

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

cho năm tài chính 2017

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (0243) 974 5081/82 Fax: (0243) 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 05
Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 - 07
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017	08 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2017	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2017	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017	14 - 44
Phụ lục 01: Bảng xác định lợi ích của cổ đông không kiểm soát	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (gọi tắt là " Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2017.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-----------------|
| - Ông Trương Hữu Trung | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Huy Hùng | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Thị Hà | Thành viên HĐQT |
| - Ông Võ Văn Lưu | Thành viên HĐQT |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Huy Hùng | Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Hà | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Võ Văn Lưu | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lê Việt Thảo | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Đình Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Bùi Văn Minh | Kế toán trưởng (bổ nhiệm tháng 11 năm 2017) |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|--------------------------|----------------------|
| - Ông Phùng Văn Tân | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Đào Anh Dũng | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Thành viên |

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

- Vốn điều lệ : **1.320.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng).**
- Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ;

Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.

Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2017 (đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Số tiền theo Quyết định số 463/QĐ-UBND	Số vốn thực góp	Số vốn còn góp thiếu
Vốn Nhà nước	1.095.600.000.000	1.072.153.914.618	23.446.085.382
Vốn của các cổ đông	28.982.000.000	28.982.000.000	-
Cổ đông chiến lược	195.418.000.000		195.418.000.000
Tổng cộng	1.320.000.000.000	1.101.135.914.618	218.864.085.382

TT	Các Công ty con của Tổng Công ty	Trụ sở
1	Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Thôn Hòa Thịnh, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
2	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
3	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60,64%.	Khu Công nghiệp Hạ vàng, Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 65%.	Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
5	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60%.	Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
6	Công ty TNHH Việt Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Bản Bung Houana - Xebangfay - Khawmmouane - Lào.
7	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51,28%.	Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.
8	Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 52,55%.	Số 450 đường Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 58,70%.	Xóm 10, Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.
10	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 73%.	Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
11	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 63,83%.	Tổ 12 Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
12	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 75%.	Thị trấn Thiêm Cẩm, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.
13	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 60%.	Xã Kỳ Phương, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
14	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 91,85%.	Xóm 4, Xã Xuân Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.
15	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 53%.	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
16	Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 100%.	Xã Kỳ Trinh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh.
17	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 50,95%.	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.

Tổng Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2017 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 08 đến trang 45.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.
- Tài sản mà Tổng Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tổng Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính 2017;
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017;
- Chúng tôi khẳng định rằng Tổng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Thay mặt và đại diện

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP



Nguyễn Huy Hùng

Tổng giám đốc



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 24 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 24 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Số: 90 /2018/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017
của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP, được lập ngày 06/03/2018, từ trang 08 đến trang 45, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP cho năm tài chính 2017, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt và 05 bản tiếng Anh, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP giữ 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPAHANOI)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CNDKHNKT số: 1695-2018-016-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature of Đặng Ngọc Phần.

Đặng Ngọc Phần

Giấy CNDKHNKT số: 2459-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		692.248.428.624	703.074.933.454
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	183.146.674.701	76.627.547.188
1. Tiền	111		74.908.861.787	73.452.606.988
2. Các khoản tương đương tiền	112		108.237.812.914	3.174.940.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.11a	326.205.920	83.419.094.809
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100.000.000	100.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		226.205.920	83.319.094.809
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.124.350.036	169.030.431.078
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.2	117.856.262.205	122.766.714.679
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	38.705.158.280	30.732.126.636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	26.793.441.833	33.865.015.520
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137		(20.231.721.368)	(18.334.634.843)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.209.086	1.209.086
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	316.925.033.050	343.837.788.682
1. Hàng tồn kho	141		325.559.062.466	353.352.793.965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.634.029.416)	(9.515.005.283)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.726.164.917	30.160.071.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	23.752.350.969	13.898.318.543
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	4.586.898.233	11.330.243.948
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.7	386.915.715	4.931.509.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.425.794.516.320	1.449.776.588.818
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.445.583.000	3.850.112.643
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.179.803.000	2.584.332.643
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.265.780.000	1.265.780.000
II. Tài sản cố định	220		870.267.951.839	850.378.205.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	855.845.502.669	832.910.771.245
- Nguyên giá	222		1.521.630.782.404	1.444.036.441.173
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(665.785.279.735)	(611.125.669.928)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	14.422.449.170	17.467.434.378
- Nguyên giá	228		23.702.715.191	25.547.137.191
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.280.266.021)	(8.079.702.813)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		230.299.894.960	254.543.968.426

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	230.299.894.960	254.543.968.426
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11b	237.194.438.500	232.229.438.500
1. Đầu tư dài hạn khác	253		237.206.627.800	237.881.627.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	254		(12.189.300)	(5.652.189.300)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		85.586.648.021	108.774.863.626
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	69.173.293.835	92.151.558.326
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		5.050.730.925	5.050.730.925
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.300.000.000	10.300.000.000
4. Lợi thế thương mại	269	V.13	1.062.623.261	1.272.574.375
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.118.042.944.944	2.152.851.522.272

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		756.739.671.898	700.074.798.836
I. Nợ ngắn hạn	310		510.276.148.017	446.235.818.474
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	133.394.910.426	98.753.557.665
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	20.232.750.680	15.613.705.933
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	19.033.297.729	19.995.428.062
4. Phải trả người lao động	314		24.364.945.833	32.194.314.352
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	22.117.606.669	15.916.170.328
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.948.192.582	1.639.343.637
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	41.286.784.290	34.934.985.460
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	230.095.376.096	209.715.301.052
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.802.283.712	17.473.011.985
II. Nợ dài hạn	330		246.463.523.881	253.838.980.362
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	78.927.000	78.927.000
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		16.288.386.108	19.105.407.909
4. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	731.787.678	731.787.678
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	229.364.423.095	233.736.576.491
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	186.281.284
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.361.303.273.046	1.452.776.723.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	1.278.963.710.142	1.346.498.898.036
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.087.089.965	4.087.089.965
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(40.728.290)	(40.728.290)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.525.487.498	24.227.869.549
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.051.807.328)	4.573.341.792
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	PL01	182.307.753.679	212.515.410.402

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	82.339.562.904	106.277.825.400
1. Nguồn kinh phí Dự án	431	82.339.562.904	106.277.825.400
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.118.042.944.944	2.152.851.522.272

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Võ Thị Hoa

Bùi Văn Minh

Nguyễn Huy Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	956.961.076.273	1.339.562.843.854
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.030.107.554	5.080.988.478
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	951.930.968.719	1.334.481.855.376
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	928.701.490.861	1.204.132.915.501
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.229.477.858	130.348.939.875
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.271.612.542	10.184.992.529
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	42.583.089.031	38.347.454.729
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.327.929.376	32.001.289.061
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	49.961.745.549	54.098.238.482
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	67.851.964.064	78.426.444.929
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(130.895.708.244)	(30.338.205.736)
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	64.671.372.408	72.566.157.842
12.	Chi phí khác	32	VI.10	3.591.858.846	2.454.950.711
13.	Lợi nhuận khác	40		61.079.513.562	70.111.207.131
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(69.816.194.682)	39.773.001.395
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	7.013.400.704	17.664.872.038
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(186.281.284)	(500.922.278)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(76.643.314.102)	22.609.051.635
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		(39.151.904.870)	25.890.650.728
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(37.491.409.232)	(3.281.599.093)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	(696)	792

Người lập biểu



Võ Thị Hoa

Kế toán trưởng



Bùi Văn Minh

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

 Nguyễn Huy Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.205.699.911.682	1.478.133.723.144
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(680.107.755.240)	(1.080.255.382.744)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(136.361.083.660)	(163.793.849.385)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(38.495.247.648)	(34.373.318.401)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(9.394.079.893)	(16.369.496.562)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	52.096.272.347	64.257.546.098
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(135.135.540.547)	(281.612.732.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	258.302.477.041	(34.013.509.925)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.577.527.155)	(43.504.225.528)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	881.346.148	1.904.818.864
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.100.000.000)	(203.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	136.028.732.421	272.122.620.220
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.038.517.045	48.315.280.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	64.271.068.459	75.038.494.222
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	52.999.670.000	6.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	358.003.090.656	649.826.122.860
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(559.488.036.362)	(649.888.794.063)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(67.538.835.917)	(87.144.837.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(216.024.111.623)	(81.207.508.867)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	106.549.433.877	(40.182.524.570)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.627.547.188	115.862.529.294
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(30.306.364)	947.542.464
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	183.146.674.701	76.627.547.188

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Võ Thị Hoa

Kế toán trưởng

Bùi Văn Minh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 45 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 61/2003/QĐ-TTg ngày 18/04/2003 của Thủ tướng Chính Phủ. Tổng Công ty đã thực hiện cổ phần hóa theo phương án cổ phần đã được chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013. Theo đó:

Vốn điều lệ : **1.320.000.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm hai mươi tỷ đồng)**.

Theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh thành Công ty Cổ phần, theo đó: Vốn điều lệ là 1.320.000.000.000 đồng tương ứng với 132.000.000 cổ phần trong đó:

Cổ phần Nhà nước nắm giữ 109.560.000 cổ phần chiếm 83% vốn điều lệ;
Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động 960.400 cổ phần chiếm 0,73% vốn điều lệ;
Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược 19.541.800 cổ phần chiếm 14,8% vốn điều lệ;
Cổ phần bán cho nhà đầu tư bên ngoài 1.937.800 cổ phần chiếm 1,47% vốn điều lệ.
Công ty có trụ sở tại: Số 02 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác chế biến kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh và nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh khách sạn, thương mại du lịch, nhà hàng, văn phòng cho thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại máy móc thiết bị;
- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo dạy nghề;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Dịch vụ tuyển chọn lao động ở Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài;
- Bốc xếp hàng hóa: Kinh doanh xếp dỡ, giao nhận hàng hóa đường biển và đường bộ;
- Chăn nuôi trâu bò, lợn, hươu, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm chức năng từ nhung hươu;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau quả;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, kinh doanh và xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm có liên quan;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa: Trồng và chế biến các loại thủy sản, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ: Sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe: Sản xuất linh kiện phụ tùng ô tô;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thương mại tổng hợp, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng: điện lạnh, điện dân dụng, xe máy, bếp ga, giày, dép, quần, áo, hàng gốm sứ, dụng cụ thể thao;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà, đất, kinh doanh văn phòng cho thuê, xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến áp đến 35KV, đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị, kinh doanh nhà;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Lập dự án đầu tư, thẩm tra dự án, tư vấn đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án, tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, tư vấn thiết kế, quy hoạch, thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Nhân và chăm sóc giống Nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu hạt giống rau quả, giống cây lương thực chất lượng cao, sản xuất và kinh doanh giống cây ăn quả, sản xuất và kinh doanh giống thủy sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không: Dịch vụ bán vé máy bay trong nước và quốc tế.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý rượu, bia, nước giải khát, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.

4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn**

5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

II. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

1. **Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.

2. **Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Trình tự và phương pháp hợp nhất

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có);

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông không kiểm soát thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng Công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 4.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 4.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

- 5.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- 6.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

- 6.2 Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- 7.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 7.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 03 năm trở lên.
8. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
- 8.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 8.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền).
- 8.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.
- 8.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.
9. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**
- 9.1 Nguyên tắc ghi nhận:
- Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- 9.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung kèm theo. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 10 năm
Máy móc thiết bị	03 - 06 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật	05 - 08 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Phần mềm vi tính	02 - 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 10 năm
10. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.	
11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước	
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. - Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn. + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn. + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán. 	
12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả	
Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:	
<ul style="list-style-type: none"> - Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn. - Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn. - Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn. 	
13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả	
13.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.	
13.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.	
14. Nguồn vốn chủ sở hữu:	
<ul style="list-style-type: none"> - Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn. - Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu. 	

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong năm của Công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu khoáng sản, doanh thu bán súc vật, cây trồng,... và doanh thu hoạt động tài chính.

15.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

15.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

15.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	9.263.118.780	8.808.967.396
Tiền gửi Ngân hàng	65.645.743.007	64.643.639.592
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	108.237.812.914	3.174.940.200
Cộng	183.146.674.701	76.627.547.188

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	54.596.449.253	57.076.206.965
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp	1.681.158.176	3.330.371.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển	2.311.287.468	24.106.660
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	9.630.429.818	15.270.097.251
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	3.765.075.000	4.836.681.486
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng	5.782.171.543	5.060.147.214
Công ty TNHH Việt Lào	11.887.382.400	14.810.905.908
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.869.856.992	1.815.048.007
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.183.258.327	1.037.256.477
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	772.292.263	834.152.714
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	1.969.988.938	8.119.831.475

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.347.596.162	731.906.012
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	623.537.484	319.693.442
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.488.036.997	1.251.061.481
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Kh	823.261.649	832.945.649
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	15.830.845.594	5.465.080.960
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	789.822.543	958.766.780
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	503.811.598	992.454.598
Cộng	117.856.262.205	122.766.714.679
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	8.794.476.585	13.608.045.407
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệ	43.690.489	216.090.489
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát tri	2.199.435.357	7.411.215.096
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	355.744.650	2.731.544.700
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	472.561.786	447.561.786
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng	549.880.520	155.347.091
Công ty TNHH Việt Lào	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	95.628.040	1.001.056.331
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	5.667.889	22.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	388.439.486	1.176.618.717
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	60.979.454	108.359.804
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	393.832.836	533.615.337
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	190.672.929	6.505.065
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	3.506.087.689	2.691.939.613
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Kh	55.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	21.422.145.670	504.882.800
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	145.914.900	87.344.400
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	25.000.000	-
Cộng	38.705.158.280	30.732.126.636

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

4. Phải thu ngắn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	26.793.441.833	-	33.865.015.520	-
Công ty mẹ	11.011.549.101	-	13.285.462.586	-
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	49.901.320	-	75.871.251	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.465.655.084	-	1.882.392.944	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	317.669.853	-	3.609.951.779	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	44.711.000	-	297.091.000	-
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	318.159.033	-	298.392.147	-
Công ty TNHH Việt Lào	2.523.952.984	-	3.900.817.403	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	5.281.247.946	-	1.619.952.660	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.319.276.672	-	477.475.316	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	271.523.607	-	3.202.053.373	-
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	424.921.413	-	428.851.833	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	145.867.411	-	157.664.616	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	469.528.114	-	568.441.604	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.527.429.232	-	1.517.693.732	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	315.917.706	-	340.471.706	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	615.273.125	-	1.102.503.221	-
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	683.794.232	-	1.092.864.349	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	7.064.000	-	7.064.000	-
b. Dài hạn	1.265.780.000	-	1.265.780.000	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ dài hạn	1.265.780.000	-	1.265.780.000	-
Cộng	28.059.221.833	-	35.130.795.520	-
5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.001.567.469	-	57.257.640.674	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

Công cụ, dụng cụ	3.393.592.778	(51.237.184)	3.727.172.196	(51.237.184)
Chi phí SX, KD dở dang	160.053.080.816	-	148.557.303.762	-
Thành phẩm	106.128.968.170	(8.534.860.265)	128.030.454.941	(9.415.836.132)
Hàng hoá	11.981.853.233	(47.931.967)	15.780.222.392	(47.931.967)
Cộng	325.559.062.466	(8.634.029.416)	353.352.793.965	(9.515.005.283)

6. Thuế GTGT được khấu trừ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	697.099.146	1.791.315.162
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.121.460.327	715.491.615
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	6.714.957	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	1.615.233.065
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.062.890.008	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	817.791.697
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	-	65.426.652
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	113.845.667	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.584.888.128	6.324.985.757
Cộng	4.586.898.233	11.330.243.948

7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Công ty mẹ	1.282.061.324	14.152.658.038	12.871.468.478	-
Thuế GTGT phải nộp	435.882	-	435.882	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.281.624.214	13.339.861.094	12.058.236.880	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.228	812.796.944	812.795.716	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	617.732.982	900.690.500	318.384.500	35.426.982
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	2.611.492.470	7.179.292.763	4.672.891.795	105.091.502
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	-	99.221.495	99.221.495
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	-	31.235.700	52.379.700	21.144.000
Công ty TNHH Việt Lào	260.851.643	-	260.851.643	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	40.607.991	70.120.703	63.690.742	34.178.030
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	118.076.707	124.909.090	98.000.000	91.167.617
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	686.089	-	-	686.089
Cộng	4.931.509.206	22.458.906.794	18.436.888.353	386.915.715

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Vườn cây lâu năm, súc vật	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>889.795.640.501</i>	<i>438.249.204.389</i>	<i>80.154.433.946</i>	<i>8.388.253.275</i>	<i>21.566.182.782</i>	<i>5.882.726.280</i>	<i>1.444.036.441.173</i>
- Mua trong năm	1.692.259.979	9.908.070.827	3.054.271.452	-	-	-	14.654.602.258
- XDCB hoàn thành	91.066.012.525	5.230.785.140	-	-	-	-	96.296.797.665
- Tăng khác	80.858.000	-	-	-	-	-	80.858.000
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	8.009.617.511	13.255.923.544	3.937.210.594	93.989.630	7.093.751.694	-	32.390.492.973
- Giảm khác	1.017.423.719	-	-	-	30.000.000	-	1.047.423.719
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>973.607.729.775</i>	<i>440.132.136.812</i>	<i>79.271.494.804</i>	<i>8.294.263.645</i>	<i>14.442.431.088</i>	<i>5.882.726.280</i>	<i>1.521.630.782.404</i>
Giá trị hao mòn lũy kế							
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>313.576.791.894</i>	<i>230.851.576.297</i>	<i>53.550.582.833</i>	<i>4.722.806.433</i>	<i>4.315.437.036</i>	<i>4.108.475.435</i>	<i>611.125.669.928</i>
- Khấu hao trong năm	39.562.264.171	29.803.295.902	7.255.341.044	719.940.716	2.717.927.247	450.446.719	80.509.215.799
- Tăng khác	22.758.309	143.345.296	13.794.286	105.579.967	-	-	285.477.858
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	7.779.274.180	12.159.527.022	3.585.163.491	93.989.630	2.165.678.041	-	25.783.632.364
- Giảm khác	257.144.287	72.838.313	7.718.886	-	13.750.000	-	351.451.486
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>345.125.395.907</i>	<i>248.565.852.160</i>	<i>57.226.835.786</i>	<i>5.454.337.486</i>	<i>4.853.936.242</i>	<i>4.558.922.154</i>	<i>665.785.279.735</i>
Giá trị còn lại							
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>576.218.848.607</i>	<i>207.397.628.092</i>	<i>26.603.851.113</i>	<i>3.665.446.842</i>	<i>17.250.745.746</i>	<i>1.774.250.845</i>	<i>832.910.771.245</i>
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>628.482.333.868</i>	<i>191.566.284.652</i>	<i>22.044.659.018</i>	<i>2.839.926.159</i>	<i>9.588.494.846</i>	<i>1.323.804.126</i>	<i>855.845.502.669</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính
Nguyên giá TSCĐ hữu hình		
Số dư đầu năm	19.503.264.944	1.798.706.290
- Mua trong năm	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	-	250.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	2.214.422.000	-
Số dư cuối năm	17.288.842.944	2.048.706.290
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.338.723.619	1.771.206.290
- Khấu hao trong năm	842.755.984	102.500.000
- Tăng khác	12.302.343	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	61.511.715	-
Số dư cuối năm	5.132.270.231	1.873.706.290
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	15.164.541.325	27.500.000
- Tại ngày cuối năm	12.156.572.713	175.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo

Mẫu số B09a-HN
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính 2017

Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
-	4.245.165.957	25.547.137.191
-	-	-
-	-	-
-	370.000.000	620.000.000
-	-	-
-	250.000.000	2.464.422.000
-	4.365.165.957	23.702.715.191
-	1.969.772.904	8.079.702.813
-	304.516.596	1.249.772.580
-	-	12.302.343
-	-	-
-	-	61.511.715
-	2.274.289.500	9.280.266.021
-	2.275.393.053	17.467.434.378
-	2.090.876.457	14.422.449.170

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty mẹ	168.769.735.942	168.769.735.942	202.187.101.576	202.187.101.576
Mua sắm tài sản cố định	2.644.422.064	2.644.422.064	5.757.544.966	5.757.544.966
Xây dựng cơ bản	166.125.313.878	166.125.313.878	196.429.556.610	196.429.556.610
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	-	-	2.645.212.512	2.645.212.512
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	-	-	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Việt Lào	29.321.432.127	29.321.432.127	25.670.167.271	25.670.167.271
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	-	-	-
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	6.403.924	6.403.924	6.403.250	6.403.250
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	9.843.873.692	9.843.873.692	9.503.742.364	9.503.742.364
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	22.186.519.275	22.186.519.275	13.559.411.453	13.559.411.453
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	171.930.000	171.930.000	171.930.000	171.930.000
Cộng	230.299.894.960	230.299.894.960	254.543.968.426	254.543.968.426

11. Các khoản đầu tư tài chính

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	326.205.920	-	83.419.094.809	-
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	226.205.920	-	83.319.094.809	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	-	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	226.205.920	-	226.205.920	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	-	-	82.592.888.889	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính 2017

b. Dài hạn	<u>Số lượng</u>		<u>Giá trị</u>	
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Đioxit Titan Việt Nam				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (*)	5.640.000	56.400.000.000	67.500	675.000.000
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê (**)	-	179.659.088.500	5.640.000	56.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Phát Mitraco	108.000	1.080.000.000	-	179.659.088.500
Đầu tư dài hạn khác		67.539.300	108.000	1.080.000.000
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn</i>		(12.189.300)		67.539.300
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		-		(5.652.189.300)
Cộng		237.520.644.420		315.648.533.309

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn với số tiền: 56.400.000.000 đồng (5.640.000 CP) chiếm 19,8% vốn điều lệ.

(**): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê với số tiền: 179.659.088.500 đồng trong tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê: 2.400.000.000.000 đồng chiếm 7,49% vốn điều lệ.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	23.752.350.969	13.898.318.543
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	14.345.217.306	6.856.986.338
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	101.428.507	164.000.584
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	26.741.832	94.305.328
Công ty TNHH Việt Lào	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	5.339.017.590	5.375.622.732
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	36.033.513	243.331.416
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	266.282.483	244.111.159
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	57.064.486	26.054.044
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	50.062.000	57.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	111.118.017	15.102.501
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	800.000.000	17.254.437

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.866.656.161	166.652.921
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	752.729.074	637.897.083
b. Dài hạn	69.173.293.835	92.151.558.326
Công ty mẹ	1.202.712.183	3.191.321.038
Công ty TNHH MTV Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	482.791.208	741.456.094
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	-	186.671.898
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	51.791.157	252.319.197
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.556.106.244	1.556.106.244
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.298.165.201	664.180.319
Công ty TNHH Việt Lào	1.514.779.503	1.731.823.305
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	33.092.110.893	38.730.335.715
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	896.909.188	1.135.630.026
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	15.260.170.307	26.179.249.017
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	3.479.877	302.825.213
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	18.578.333	40.000.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	886.404.972	900.558.553
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	155.109.199
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	-	363.143.511
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	4.104.184.842	6.342.271.206
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	8.656.780.927	9.450.547.791
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	148.329.000	228.010.000
Cộng	92.925.644.804	106.049.876.869
13. Lợi thế thương mại	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lợi thế thương mại phát sinh sau khi đánh giá lại vốn góp vào Công ty con	2.112.378.831	2.112.378.831
Số lợi thế thương mại phân bổ các năm trước	839.804.456	629.853.342

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Số lợi thế thương mại phân bổ năm nay

Số lợi thế thương mại cuối năm

14. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

Công ty mẹ

Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco

Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco

Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc

Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng

Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh

Công ty TNHH Việt Lào

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco

Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco

Công ty Cổ phần Thiên Ý 2

Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh

Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê

Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào

Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco

Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan

b. Dài hạn

Công ty Cổ phần Thiên Ý 2

Cộng

(Các thuyết minh này là bộ phận



Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

209.951.114

209.951.114

1.062.623.261

1.272.574.375

Số cuối năm

Số đầu năm

<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
133.394.910.426	133.394.910.426	98.753.557.665	98.753.557.665
9.327.639.130	9.327.639.130	12.018.636.583	12.018.636.583
3.228.877.525	3.228.877.525	5.322.914.425	5.322.914.425
19.516.218.850	19.516.218.850	15.942.787.451	15.942.787.451
28.999.694.127	28.999.694.127	7.998.811.361	7.998.811.361
3.254.706.867	3.254.706.867	3.910.327.867	3.910.327.867
3.106.245.485	3.106.245.485	3.412.511.101	3.412.511.101
16.588.429.285	16.588.429.285	30.150.028.725	30.150.028.725
21.671.040.004	21.671.040.004	9.729.448.321	9.729.448.321
840.975.773	840.975.773	1.790.772.533	1.790.772.533
18.226.100.358	18.226.100.358	1.763.409.241	1.763.409.241
513.232.931	513.232.931	495.933.971	495.933.971
1.445.056.247	1.445.056.247	906.554.475	906.554.475
71.118.561	71.118.561	29.675.071	29.675.071
869.891.469	869.891.469	1.091.228.732	1.091.228.732
450.781.161	450.781.161	450.781.161	450.781.161
4.792.562.940	4.792.562.940	3.266.843.514	3.266.843.514
403.743.720	403.743.720	97.769.300	97.769.300
88.595.993	88.595.993	375.123.833	375.123.833
78.927.000	78.927.000	78.927.000	78.927.000
78.927.000	78.927.000	78.927.000	78.927.000
133.473.837.426	133.473.837.426	98.832.484.665	98.832.484.665

in hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Công ty mẹ	20.232.750.680	15.613.705.933
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	1.768.758.831	5.412.455.907
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	21.500.000	24.713.250
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	213.922.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.888.227.561	335.564.914
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.584.135.112	1.525.790.611
Công ty TNHH Việt Lào	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	431.968.799	22.413.620
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	112.614.697	235.380.480
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	166.630.222	97.330.100
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	2.442.395.443	891.062.275
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	8.657.290.378	5.969.695.625
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	1.241.367.621	47.454.121
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	807.329.473	423.597.919
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	14.358.001	14.358.001
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	478.944.007	208.857.370
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	3.000	1.726.205
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	403.305.535	403.305.535
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	-	-
Cộng	20.232.750.680	15.613.705.933

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Công ty mẹ	1.540.277.719	14.800.743.215	14.599.486.917	1.741.534.017
<i>Thuê GTGT phải nộp</i>	-	8.100.196.431	8.100.196.431	-
<i>Thuế Thu nhập cá nhân</i>	59.350.600	113.066.050	83.114.600	89.302.050
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	36.633.748	409.952.220	221.278.100	225.307.868
<i>Thuế tài nguyên và phí môi trường</i>	920.380.791	3.903.908.950	3.738.367.242	1.085.922.499
<i>Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác</i>	523.912.580	1.724.307.564	1.907.218.544	341.001.600
<i>Các loại thuế khác</i>	-	549.312.000	549.312.000	-
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	1.231.268	-	-	1.231.268
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	428.292.394	4.139.507.899	4.567.800.293	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	406.937.853	475.480.067	853.231.014	29.186.906
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	1.150.297.125	2.669.694.063	3.098.134.301	721.856.887
Công ty TNHH Việt Lào	5.339.753.463	12.670.541.360	13.306.389.117	4.703.905.706
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	812.784.515	151.380.880	953.340.004	10.825.391
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	1.440.000	-	-	1.440.000
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	32.942.331	857.866.993	727.384.644	163.424.680
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	128.061.123	1.205.155.302	962.640.727	370.575.698
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	206.904.908	71.024.069	265.136.200	12.792.777
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	12.500	5.349.622.758	5.270.472.758	79.162.500
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	5.759.082.720	3.085.591.200	851.487.146	7.993.186.774
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	1.316.652.246	16.466.936	-	1.333.119.182
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	1.995.786.945	13.958.840.839	14.893.683.400	1.060.944.384
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	543.074.393	273.862.555	234.837.236	582.099.712
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	331.896.559	265.029.308	368.914.020	228.011.847
Cộng	19.995.428.062	59.990.807.444	60.952.937.777	19.033.297.729

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty mẹ	102.004.079	222.790.797
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	299.480.726	41.789.068
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	11.068.318.744	11.474.203.987
Công ty TNHH Việt Lào	3.605.839.474	3.741.980.090
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	-	21.527.215
Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh	17.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	7.024.963.646	413.879.171
Cộng	<u>22.117.606.669</u>	<u>15.916.170.328</u>

18. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
a. Ngắn hạn	41.286.784.290	41.286.784.290	34.934.985.460	34.934.985.460
Kinh phí công đoàn	860.010.536	860.010.536	687.302.353	687.302.353
Bảo hiểm xã hội	3.315.723.917	3.315.723.917	3.431.764.071	3.431.764.071
Bảo hiểm y tế	437.959.802	437.959.802	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	196.351.468	196.351.468	-	-
Phải trả, phải nộp khác	36.476.738.567	36.476.738.567	30.815.919.036	30.815.919.036
Công ty mẹ	22.554.654.117	22.554.654.117	20.205.412.233	20.205.412.233
Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	57.780.000	57.780.000	40.440.000	40.440.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	1.633.840.857	1.633.840.857	2.599.801.839	2.599.801.839
Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	14.425.746	14.425.746	68.215.000	68.215.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	6.520.749	6.520.749	238.794	238.794
Công ty TNHH Việt Lào	75.000.000	75.000.000	13.992.800	13.992.800

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính 2017

<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco</i>	8.891.413.997	8.891.413.997	234.699.243	234.699.243
<i>Công ty Cổ phần May Hà Tĩnh</i>	(820.008.236)	(820.008.236)	92.505.324	92.505.324
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh</i>	409.792.877	409.792.877	56.717.772	56.717.772
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco</i>	258.073.294	258.073.294	84.865.925	84.865.925
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco</i>	-	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Thiên Ý 2</i>	284.789.564	284.789.564	717.771.563	717.771.563
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh</i>	2.493.807.547	2.493.807.547	32.935.832	32.935.832
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê</i>	200.930.572	200.930.572	50.962.656	50.962.656
<i>Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào</i>	71.156.813	71.156.813	521.757.156	521.757.156
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco</i>	147.527.670	147.527.670	-	-
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan</i>	197.033.000	197.033.000	310.601.000	310.601.000
<i>Phải trả khác</i>	-	-	5.785.001.899	5.785.001.899
b. Dài hạn	731.787.678	731.787.678	731.787.678	731.787.678
<i>Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào</i>	731.787.678	731.787.678	731.787.678	731.787.678
Cộng	42.018.571.968	42.018.571.968	35.666.773.138	35.666.773.138

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

19.	Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	230.095.376.096	230.095.376.096	545.949.154.731	525.569.079.687	209.715.301.052	209.715.301.052
	Công ty mẹ	76.772.200.128	76.772.200.128	140.820.504.066	146.650.109.979	82.601.806.041	82.601.806.041
	Công ty TNHH MTV Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	350.000.000	350.000.000	500.000.000	400.000.000	250.000.000	250.000.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	32.850.677.345	32.850.677.345	105.740.692.379	105.743.441.349	32.853.426.315	32.853.426.315
	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	-	-	100.000.000	400.000.000	300.000.000	300.000.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	4.303.757.174	4.303.757.174		200.000.000	4.503.757.174	4.503.757.174
	Công ty TNHH Việt Lào	29.782.407.621	29.782.407.621	50.586.458.398	54.326.745.487	33.522.694.710	33.522.694.710
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	39.915.818.159	39.915.818.159	109.388.445.788	93.472.627.629	24.000.000.000	24.000.000.000
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	24.980.358.669	24.980.358.669	80.447.398.943	73.357.040.274	17.890.000.000	17.890.000.000
	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	7.314.260.900	7.314.260.900	37.658.233.550	40.323.876.665	9.979.904.015	9.979.904.015
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	1.668.800.500	1.668.800.500	2.699.857.973	2.237.824.473	1.206.767.000	1.206.767.000
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	1.300.000.000	1.300.000.000	3.100.000.000	3.378.225.953	1.578.225.953	1.578.225.953
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	918.719.844	918.719.844	-	-	918.719.844	918.719.844
	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	9.938.375.756	9.938.375.756	14.907.563.634	4.969.187.878	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	-	-		110.000.000	110.000.000	110.000.000
b.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	229.364.423.095	229.364.423.095	38.774.366.913	43.146.520.309	233.736.576.491	233.736.576.491
	Công ty mẹ	90.613.804.241	90.613.804.241	13.600.000.000	5.212.421.053	82.226.225.294	82.226.225.294
	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	590.000.000	590.000.000		760.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
	Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	10.510.143.400	10.510.143.400	3.230.143.400	2.520.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
	Công ty Cổ phần Gạch ngói và Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh	20.588.025.931	20.588.025.931		667.270.714	21.255.296.645	21.255.296.645
	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	25.394.213.620	25.394.213.620		4.680.000.000	30.074.213.620	30.074.213.620
	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	23.550.000.000	23.550.000.000	630.000.000	8.660.000.000	31.580.000.000	31.580.000.000
	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	142.179.300	142.179.300		168.000.000	310.179.300	310.179.300
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	-	-	-	534.934.030	534.934.030	534.934.030
	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
	Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	57.576.056.603	57.576.056.603	21.314.223.513	19.943.894.512	56.205.727.602	56.205.727.602
	Cộng	459.459.799.191	459.459.799.191	584.723.521.644	568.715.599.996	443.451.877.543	443.451.877.543

Khoản vay tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (Công ty mẹ):

Khoản vay của ngân hàng Vietcombank theo hợp đồng tín dụng ngày HĐ14/2699 ngày 05/12/2015. Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ). Mục đích sử dụng vốn vay là: Vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

Hợp đồng tín dụng vay vốn 01/2011/HĐTD-ĐP ngày 13/09/2011 số tiền 25.000.000.000 đồng. Lãi suất năm đầu là 0%, từ năm thứ 2 trở đi lãi vay cụ thể do Hội đồng quản lý quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh quy định. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích khoản vay là góp vốn điều lệ vào Công ty CP Sắt Thạch Khê theo công văn số 2874/QĐ-UBND Tỉnh ngày 31/08/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Hợp đồng tín dụng số 14/2650/VCBHTi ngày 11/12/2014. Hạn mức tín dụng 48.840.000.000 đồng. Thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất theo lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng+ 3% năm. Lãi suất hiện tại là 9%/năm. Mục đích vay: thực hiện dự án nhà máy chế biến súc sản Mitraco.

Hợp đồng tín dụng số 03/2015/HĐTDĐT-NHPT ngày 16/12/2015 số tiền 400.000.000.000 đồng. Áp dụng lãi suất cho vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định hiện hành của nhà nước tại từng thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi trả chậm) là 150% lãi cho vay trong hạn. Thời hạn cho vay tối đa 12 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, nhưng không vượt quá thời điểm trả nợ gốc cuối cùng của dự án. Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện dự án khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính 2017

21. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	1.101.135.914.618	3.585.620.464	(40.728.290)	21.460.648.858	23.672.044.296	225.126.729.910	1.374.940.229.856
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	25.890.650.728	25.890.650.728
- Tăng khác	-	501.469.501	-	2.767.220.691	-	9.332.007.336	12.600.697.528
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(3.281.599.093)	-	(3.281.599.093)
- Giảm khác	-	-	-	-	(15.817.103.411)	(47.833.977.572)	(63.651.080.983)
2. Số dư cuối năm trước	1.101.135.914.618	4.087.089.965	(40.728.290)	24.227.869.549	4.573.341.792	212.515.410.402	1.346.498.898.036
3. Số dư đầu năm nay	1.101.135.914.618	4.087.089.965	(40.728.290)	24.227.869.549	4.573.341.792	212.515.410.402	1.346.498.898.036
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	902.844.738	41.839.746.879	28.824.678.624	71.567.270.241
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(37.491.409.232)	(39.151.904.870)	(76.643.314.102)
- Giảm khác	-	-	-	(14.605.226.789)	(27.973.486.767)	(19.880.430.477)	(62.459.144.033)
4. Số dư cuối năm nay	1.101.135.914.618	4.087.089.965	(40.728.290)	10.525.487.498	(19.051.807.328)	182.307.753.679	1.278.963.710.142

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	97,37%	1.072.153.914.618	1.072.153.914.618
Cổ đông khác	2,63%	28.982.000.000	28.982.000.000
Cộng		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			
		Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
Vốn góp đầu năm		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Vốn góp tăng trong năm		-	-
Vốn góp giảm trong năm		-	-
Vốn góp cuối năm		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	21.600.000.000
D. Cổ phiếu		Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		110.113.591	110.113.591
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		4.073	4.073
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>4.073</i>	<i>4.073</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		110.109.519	110.109.519
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		<i>110.109.519</i>	<i>110.109.519</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu		
E. Các quỹ doanh nghiệp		Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển		10.525.487.498	24.227.869.549
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)			
1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		956.961.076.273	1.339.562.843.854
Cộng		956.961.076.273	1.339.562.843.854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại và Chiết khấu thương mại		5.030.107.554	5.080.988.478
Cộng		5.030.107.554	5.080.988.478
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		951.930.968.719	1.334.481.855.376
4. Giá vốn hàng bán		Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp		928.701.490.861	1.204.132.915.501
Cộng		928.701.490.861	1.204.132.915.501
5. Doanh thu hoạt động tài chính		Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay		5.426.668.703	9.039.294.261

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

Lãi chênh lệch tỷ giá	314.943.839	1.145.698.268
Cổ tức được chia	530.000.000	-
Cộng	6.271.612.542	10.184.992.529
6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	42.327.929.376	32.001.289.061
Lỗ chênh lệch tỷ giá	144.160.043	569.177.327
Chi phí tài chính khác	110.999.612	5.776.988.341
Cộng	42.583.089.031	38.347.454.729
7. Chi phí quản lý bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.966.270.600	11.575.122.433
Chi phí vật liệu, bao bì	1.202.530.043	1.685.432.726
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.735.528.480	1.409.515.569
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.868.327.797	3.019.112.134
Chi phí Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, thưởng khách	674.823.034	1.673.988.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.394.859.712	8.370.245.834
Chi phí bằng tiền khác	21.119.405.883	26.364.821.573
Cộng	49.961.745.549	54.098.238.482
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	34.073.463.326	30.455.280.446
Chi phí vật liệu quản lý	207.050.863	552.471.883
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.299.765.603	2.175.461.051
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.637.501.353	5.744.322.476
Thuế, phí và lệ phí	1.208.726.250	1.156.595.157
Chi phí dự phòng	1.390.506.463	7.793.288.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.594.859.617	8.107.587.751
Chi phí bằng tiền khác	17.440.090.589	22.441.438.110
Cộng	67.851.964.064	78.426.444.929
9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Được thưởng, bồi thường	460.547.029	824.860.575
Thu hỗ trợ đầu tư liên kết	-	454.909.088
Cho thuê văn phòng	-	561.814.537
Thu tiền điện	-	6.652.546.454
Thu thanh lý TSCĐ	6.183.088.579	1.688.416.449
Thu nhập khác	58.027.736.800	62.383.610.739
Cộng	64.671.372.408	72.566.157.842
10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

Chi phí bồi thường, chịu phạt	14.036.673	71.206.573
Chi thanh lý TSCĐ	12.150.000	-
Chi phí đất cho thuê	-	285.247.898
Chi phí khác	3.565.672.173	2.098.496.240
Cộng	3.591.858.846	2.454.950.711
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	28.575.524	507.450.567
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	290.728.477	1.466.957.908
Công ty TNHH Việt Lào	2.045.005.595	2.575.080.260
Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	72.093.835	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	-	2.784.533.143
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	31.510.992	821.314.236
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng Việt - Lào	4.545.486.281	9.509.535.924
Thuế TNDN phải nộp	7.013.400.704	17.664.872.038
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(76.643.314.102)	22.609.051.635
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(76.643.314.102)	22.609.051.635
Cổ phiếu phổ thông lưu hành đầu năm	110.109.519	110.109.519
Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	110.109.519	110.109.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		792
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(696)	
VII. Những thông tin khác		
1. Công cụ tài chính		
1.1 Quản lý rủi ro vốn		
Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.		
Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn cổ phần trừ (-) cổ phiếu quỹ.		
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	183.146.674.701	183.146.674.701
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	183.354.862.318	163.123.140.950

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng qui định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2017

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn dài hạn	459.459.799.191
Phải trả người bán	133.394.910.426

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	133.394.910.426	-	133.394.910.426
Vay và nợ ngắn hạn	230.095.376.096	-	230.095.376.096
Vay và nợ dài hạn	-	229.364.423.095	229.364.423.095

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Tổng Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	67,32%	67,34%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	32,68%	32,66%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	35,73%	32,52%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	64,27%	67,48%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,80	3,08
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,36	1,58
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,74	0,81
3 Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-7,33%	2,98%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-8,05%	1,69%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-3,30%	1,85%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-3,62%	1,05%

TP Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Võ Thị Hoa

Kế toán trưởng

Bùi Văn Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Hùng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Địa chỉ: Số 02 Vũ Quang - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3855 603 Fax: 0239 3855 606

Mẫu số B09a-HN

Thuyết minh BCTCHN

cho năm tài chính 2017

Phụ lục 01: Bảng xác định Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	619.160.166.735	372.354.046.735	246.806.120.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	8.015.527.899	4.087.089.965	3.928.437.934
3	Cổ phiếu quỹ	(61.529.958)	(40.728.290)	(20.801.668)
4	Quỹ đầu tư phát triển	18.558.558.865	10.102.158.998	8.456.399.867
5	Lợi nhuận chưa phân phối	(219.205.901.275)	(142.343.498.821)	(76.862.402.454)
Cộng		426.466.822.266	244.159.068.587	182.307.753.679

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)